

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH L**

Bản án số: 111/2022/DS-ST
Ngày: 30/12/2022
“V/v: tranh chấp hợp đồng tín
dụng”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - TỈNH L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đoàn Thị Thu Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Lệ Hoa

2. Ông Nguyễn Phước Đạt

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức Công -Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh L tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Vũ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 269/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Công ty T

Địa chỉ: Tầng 12 Tòa nhà Ree Tower, Số 09 Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp là ông Trần Trường Giang, địa chỉ: Tầng M, Tòa nhà Ree Tower, số 9 đường Đoàn Văn Bơ, Phường 13, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh, đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 10/UQTA-XLTD.22 ngày 02 tháng 06 năm 2022; văn bản ủy quyền số 41/UQ-XLTD.22 ngày 18/03/2022.

*** Bị đơn:** ông P C T, sinh năm 1994;

Địa chỉ: số 81/21A Nguyễn Công Trung, Phường 3, thành phố T, tỉnh L.

(Đại diện nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn Công ty T trình bày:**

Nguyên vào ngày 06/07/2019, ông P C T có ký hợp đồng tín dụng số 20190710-3960723 với Công ty T SMBC vay số tiền 31,650,000 đồng (Ba mươi

một triệu, sáu trăm năm mươi ngàn đồng) với lãi suất thoả thuận 3.08%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thoả thuận trong hợp đồng, ông P C T có trách nhiệm thanh toán số tiền 53,122,285 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng; 35 tháng đầu, mỗi tháng trả 1,467,772, tháng cuối cùng 1,750,265 đồng. Bắt đầu từ ngày 12/08/2019

Thực hiện hợp đồng, khách hàng đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Công ty T SMBC 9 lần với tổng số tiền đã trả 8,683,000 đồng. Kể từ ngày 28/07/2020 đến nay, ông P C T không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù Công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Do khách hàng trễ hạn thanh toán nên Công ty T SMBC khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P C T thanh lý hợp đồng trả một lần cho công ty toàn bộ số tiền nợ bao gồm các khoản sau:

- Trả toàn bộ khoản nợ gốc tính đến ngày 12/07/2022: 28,538,192 đồng
- Trả toàn bộ khoản nợ lãi tạm tính đến ngày 12/07/2022: 15,901,093 đồng.

Tổng số tiền Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P C T phải thanh toán là: 44,439,285 đồng (Bốn mươi bốn triệu, bốn trăm ba mươi chín ngàn, hai trăm tám mươi lăm đồng)

* Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463, 466, Bộ luật dân sự, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền: Nguyên đơn Công ty T khởi kiện bị đơn ông P C T, sinh năm 1994; địa chỉ: số 81/21A Nguyễn Công Trung, Phường 3, thành phố T, tỉnh L do đó căn cứ vào Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố Tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

1.2. Về xét xử vắng mặt: Đại diện Công ty T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông P C T đã được cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

2.1. Xét việc Công ty T yêu cầu ông P C T thanh toán tiền còn nợ trong bảng tóm tắt sao kê dư nợ thẻ ngày 06/9/2022 với vốn vay còn lại 28.538.192

đồng và tiền lãi quá hạn đến 12/07/2022 là 15.901.093đ, tổng cộng là 44.439.285đ. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 06/7/2019, ông P C T có ký với Công ty T giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng). Căn cứ thu nhập của ông P C T, Ngân hàng đã phê duyệt khoản vay là 31.650.000 đồng trong đó khoản vay tiêu dùng là 30.000.000đ và phí bảo hiểm là 1.650.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông Trung đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 8.683.000 đồng. Kể từ ngày 28/07/2022, ông P C T không thanh toán thêm bất cứ khoản nào đã để phát sinh nợ quá hạn. Mặc dù Công ty T đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở và tạo điều kiện về mặt thời gian để ông Trung trả nợ. Tuy nhiên ông Trung vẫn không có thiện chí thanh toán các khoản nợ quá hạn, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Hợp đồng tín dụng này có chữ ký và ghi tên của ông P C T, thể hiện ông Trung đã ký kết hợp đồng tín dụng với Công ty T. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông P C T không đến để xác định sự việc nên Hội đồng xét xử xác định hợp đồng tín dụng ngày 06/7/2019 là có thật.

Như vậy, việc ông P C T không thanh toán đúng hạn làm thiệt hại đến quyền lợi về tài sản của Công ty T, nên Công ty T yêu cầu ông P C T thanh toán vốn vay còn lại 28.538.192 đồng, tiền lãi quá hạn là 15.901.093đ, tổng cộng là 44.439.285đ là có căn cứ chấp nhận.

2.2 Đối với khoản tiền lãi tính từ ngày 13/07/2022 đến ngày xét xử 30/12/2022, do Công ty TNHH ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC không yêu cầu giải quyết, nên bản án không đề cập xem xét.

[3] Án phí và chi phí tố tụng:

3.1. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì:

Ông P C T phải nộp án phí do phải trả nợ là 2.222.000đ.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, L là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 271, 273, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015.

Áp dụng Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T, buộc ông P C T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T vốn vay còn lại 28.538.192đ, tiền lãi quá hạn đến 12/07/2022 là 15.901.093đ, tổng cộng là 44.439.285đ (Bốn mươi bốn triệu, bốn trăm ba mươi chín nghìn, hai trăm tám mươi lăm đồng).

[2] Về án phí: Ông P C T phải nộp 2.222.000đ (hai triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Hoàn lại cho Công ty T số tiền 1.111.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001701 ngày 06/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

[3] Về nghĩa vụ thi hành án:

3.1: Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3.2: Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND TP T;
- CC.THADS TP T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Thu Thảo

